

Bản án số: 13/2020/HSST

Ngày: 05-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Chiến;

Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2020/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày: 01/01/1968; tên gọi khác: M, nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T; không rõ năm sinh, họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1946. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 07/02/2020 cho đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, bị cáo từ chối trợ giúp pháp lý)*

- Người bị hại: **Phạm Văn T**, sinh năm: 1975 *(có mặt tại phiên tòa)*

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại: Luật sư **Nguyễn Đức D**, sinh năm: 1968 – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T – Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. *(có mặt tại phiên tòa)*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Phạm Thị D, sinh năm: 1964 *(có mặt tại phiên tòa)*

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Người làm chứng:*

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1997 (*có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

Phạm Văn L, sinh năm: 1996 (*có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và anh Đặng Nhựt L có 02 thửa đất ruộng tiếp giáp nhau tại ấp P, xã T, huyện B. Vào tháng 3 năm 2016, anh Linh có cho ông Phạm Văn T, sinh năm 1975, ở cùng ấp, thuê thửa đất này để canh tác. Đến tháng 6 năm 2019, anh L tiến hành đo đạc, cắm trụ ranh đất thì phát sinh tranh chấp với N (vụ kiện tranh chấp này đang được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại thụ lý giải quyết). Trong khoảng thời gian này, khi sinh sống tại đây, giữa N và ông T có mâu thuẫn với nhau trong việc sử dụng đất và sinh hoạt hàng ngày.

Khoảng 08 giờ ngày 19/8/2019, ông Phạm Văn T cùng với người con ruột của mình là anh Phạm Văn L đến cắt cỏ trên bờ ruộng giáp ranh với phần đất của Nguyễn Văn N. Lúc này, N và anh Nguyễn Văn T (con ruột của N) đang ngồi trong chòi lá của mình nhìn ra thấy vậy nên anh T nói: *“Cắt cỏ qua phần đất của tao rồi đó”*. Anh L trả lời: *“Bộ mày đui ha không thấy cái trụ”* và thách thức đánh nhau. Nghe vậy, N từ trong chòi đi bộ ra đến chỗ Phạm Văn T đang cắt cỏ thì bị Phạm Văn T cầm lưỡi liềm bổ 01 cái trúng vào bàn tay phải. Anh L vác bó cỏ ném vào người N làm N ngã xuống đất. Anh T thấy vậy cầm con dao dài 45 cm có lưỡi bằng kim loại màu đen chạy ra chém Phạm Văn T nhưng không trúng. Anh L cầm đoạn cây đánh lại anh T, anh T cầm dao chém lại anh L nhưng không trúng, rồi cả hai ôm nhau giằng co qua lại và cùng kéo nhau ngã xuống ruộng nước. Cùng lúc này, trên bờ ruộng, N nhặt đoạn cây đánh Phạm Văn T làm rớt lưỡi liềm xuống đất. Phạm Văn T nhặt đoạn cây đánh trả lại N. N chạy trở vào chòi, lấy con dao dài 64,2 cm có lưỡi bằng kim loại màu đen dài 29,2 cm, mũi nhọn, cầm trên tay phải chạy ra chém trúng vào đoạn cây của Phạm Văn T đang cầm, liền sau đó N chém tiếp 04 nhát nữa trúng vào mặt trước trong đầu trên cánh tay trái và mu bàn tay trái của Phạm Văn T rồi dừng lại. Phạm Văn T được anh L kè về nhà và đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh. Còn N và anh T đi về chòi của mình.

Ngày 19/9/2019 và ngày 26/9/2019, anh T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 con dao dài 64,2 cm và 01 con dao dài 45 cm. Theo lời trình bày của anh T thì con dao dài 64,2 cm do N sử dụng để chém Phạm Văn T gây thương tích, còn con dao dài 45 cm do anh T sử dụng khi đánh nhau.

Ngày 03/10/2019, Phạm Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 lưỡi liềm dài 41 cm; 01 cục pin hiệu Philips dài 6,2 cm và 01 vỏ điện thoại di động hiệu Philips dài 11,5 cm. Đây là lưỡi liềm mà Phạm Văn T sử dụng gây thương tích cho N; 01 cục pin và 01 vỏ điện thoại là đồ vật của Phạm Văn T để trong túi áo bên trái khi bị N chém trúng.

Ngày 31/12/2019, Cơ quan điều tra cho N và Phạm Văn T nhận dạng và điều xác định đúng con dao dài 64,2 cm có lưỡi bằng kim loại màu đen dài 29,2 cm là con dao mà N đã sử dụng để chém Phạm Văn T.

Ngày 03/10/2019, Cơ quan điều tra tổ chức truy tìm 03 đoạn cây mà N, Phạm Văn T và anh L sử dụng nhưng kết quả không tìm lại được.

Ngày 10/01/2020, Cơ quan điều tra đã tổ chức thực nghiệm điều tra vụ án, cho N, Phạm Văn T, anh L và anh T diễn lại hành vi của từng người như lúc xảy ra vụ án là phù hợp với nhau.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 248-919/TgT ngày 27/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn T là 18% với các thương tích như sau: Vết thương ngang mặt trước trong đầu trên cánh tay trái, đứt đầu dài gân nhị đầu, cơ nhị đầu, cơ delta, hiện vết thương lành sẹo, co rút: 5,5 cm × 0,3 cm, 06 cm × 0,3 cm, 05 cm × 0,2 cm, 06 cm × 0,2 cm; vết thương chéo mu bàn tay trái dài 07 cm gây gãy hở xương bàn ngón III, IV, đứt gân duỗi ngón II, III, IV. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 247-919/TgT ngày 27/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn L là 03% với thương tích có 01 vết thương mông phải dài khoảng 09 cm, lành sẹo kích thước 10 cm × 0,4 cm. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 268-1019/TgT ngày 18/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn N là 01% với các thương tích như sau: Trầy xước da vùng vai phải dài 05 cm; trầy sướt khuỷu tay phải dài 02 cm; trầy sướt vùng hạ sườn phải dài 02 cm và trầy sướt da ngón IV bàn tay phải dài 01 cm.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 267-1019/TgT ngày 18/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T là 01% với các thương tích như sau: Sưng bầm vùng ngực trái liên sườn 7, 8, 9, kích thước 05 cm × 03 cm; trầy sướt vùng cổ phải dài khoảng 10 cm; sưng nề vùng thái dương trái kích thước 03 cm × 02 cm.

Qua điều tra, không xác định được ai là người đã gây ra thương tích của anh L. Thương tích của N là do Phạm Văn T gây ra và thương tích của anh T là do anh L gây ra. N, anh T và anh L đều có đơn yêu cầu không khởi tố hình sự và không

yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự mà tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn T yêu cầu Nguyễn Văn N bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng số tiền là 87.284.502 đồng, bao gồm: Chi phí điều trị thương tích: 18.584.502 đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất: 24.000.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 44.700.000 đồng. Nguyễn Văn N đồng ý bồi thường theo toàn bộ yêu cầu này và đã tác động vợ của mình là bà Phạm Thị D bồi thường trước số tiền 18.584.502 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSBD ngày 17 tháng 3 năm 2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N và đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- *Về hình phạt:* Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án tù từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- *Về xử lý vật chứng:* Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: Một con dao dài 64,2 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 29,2 cm, mũi nhọn, mặt bên trái dao có dấu hằn III ở giữa mặt dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06 cm, cán tròn bằng gỗ dài 35 cm, rộng 03 cm. Một con dao dài 45 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 27 cm, mũi dao bị gãy, mặt bên trái dao có dấu hằn II ở giữa mặt dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 5,7 cm, cán tròn bằng gỗ dài 18 cm, rộng 03 cm, cán dao bị nứt. Một lưỡi liềm dài 41 cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 27 cm, mũi nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi liềm 2,2 cm, cán tròn bằng gỗ dài 14 cm, rộng 2,2 cm. Một cục pin hiệu Philips dài 6,2 cm, rộng 4,2 cm, trên thân cục pin có dính chất màu nâu đỏ nghi máu. Một vỏ điện thoại di động hiệu Philips dài 11,5 cm, rộng 05 cm, trên vỏ điện thoại có dính chất màu nâu đỏ nghi máu.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 68.700.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, người bị hại ông Phạm Văn T: yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N tiếp tục bồi thường số tiền 68.700.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại Phạm Văn T trình bày: Ông thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối kết quả giám định vết thương trên tay phải của bị cáo N không rõ cơ chế hình thành vết thương và bị cáo N khai ông Tài dùng lưỡi liềm mổ vào mu bàn tay phải nhưng khi giám định không thấy vết thương như mô tả của bị cáo N như vậy không thể xác định Tài là người có lỗi đánh bị cáo N trước. Đồng thời đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N đó là phạm tội có tính chất côn đồ và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng quy định tại điểm d, e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về mức bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng.

Tại phiên Tòa, bị cáo Nguyễn Văn N khai: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, chỉ vì mâu thuẫn trong tranh chấp quyền sử dụng đất và trong sinh hoạt cuộc sống hàng ngày, khi bị ông Phạm Văn T dùng lưỡi liềm tấn công gây thương tích cho bị cáo trước nên bị cáo đã gây thương tích cho ông Tài với tỷ lệ tổn thương cơ thể 18%.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Nguyễn Văn N đồng ý bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 87.284.502 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông Tài số tiền 18.584.502 đồng. Bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho ông Tài 68.700.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về hành vi sai trái của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo cải tạo tốt, sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bình Đại, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận vào khoảng 08 giờ ngày 19/8/2019 do có mâu thuẫn từ trước nên khi bị ông Phạm Văn T cầm lưỡi liềm tấn

công trước, Nguyễn Văn N đã sử dụng con dao dài 64,2 cm có lưỡi dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém ông Tài gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18% như cáo trạng truy tố.

Hành vi của bị cáo dùng dao chém vào cơ thể của ông Phạm Văn T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18% là hành vi nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, làm cho sức khỏe bị tổn hại. Tính mạng, sức khỏe là khách thể được pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt nếu ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Khi phạm tội bị cáo là người đã thành niên có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để nhận biết việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng xuất phát từ tính hung hăng xem thường pháp luật, sức khỏe của người khác, thích sử dụng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo N có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo có cha là liệt sĩ; bị cáo là lao động chính trong gia đình, trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác luôn được xã hội quan tâm và pháp luật bảo vệ, không những gây thương tích cho người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét tính chất, mức độ phạm tội, nguyên nhân xảy ra vụ án có 01 phần lỗi của bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy cần áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử ghi nhận tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn N đồng ý bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 87.284.502 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông Tài số tiền 18.584.502 đồng. Vì vậy bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Tài số tiền 68.700.000 đồng.

Ghi nhận bà Phạm Thị D là người bồi thường thay cho bị cáo, không có yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền mà bà đã bồi thường cho bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Một con dao dài 64,2 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 29,2 cm, mũi nhọn, mặt bên trái dao có dấu hằn III ở giữa mặt dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06 cm, cán tròn bằng gỗ dài 35cm, rộng 03 cm.

- Một con dao dài 45 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 27cm, mũi dao bị gãy, mặt bên trái dao có dấu hằn II ở giữa mặt dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 5,7 cm, cán tròn bằng gỗ dài 18 cm, rộng 03 cm, cán dao bị nứt.

- Một lưỡi liềm dài 41 cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 27 cm, mũi nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi liềm 2,2 cm, cán tròn bằng gỗ dài 14 cm, rộng 2,2 cm.

- Một cục pin hiệu Philips dài 6,2 cm, rộng 4,2 cm, trên thân cục pin có dính chất màu nâu đỏ nghi máu.

- Một vỏ điện thoại di động hiệu Philips dài 11,5 cm, rộng 05 cm, trên vỏ điện thoại có dính chất màu nâu đỏ nghi máu

Là công cụ gây án, không còn giá trị sử dụng và là vật chứng của vụ án, riêng đối với 01 cục pin và 01 vỏ điện thoại của ông Tài không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[7] Đối với lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[8] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại: Trong vụ án này, qua kết quả thực nghiệm điều tra vụ án là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của anh T, anh L. Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng này đều xác nhận kết quả thực nghiệm điều tra là đúng, cho thấy ông Tài có dùng lưỡi liềm mổ vào bàn tay phải của bị cáo N trước và làm bị cáo bị vết trầy xước da ngón IV bàn tay phải dài 01 đã thể hiện trong bản kết luận giám định pháp y về thương tích. Ngoài ra, do có mâu thuẫn từ trước trong việc sử dụng quyền sử dụng đất và trong sinh hoạt cuộc sống hàng ngày nên hai bên xảy ra đánh nhau dẫn đến thương tích cùng với việc bị hại dùng lưỡi liềm tấn công bị cáo trước, vì vậy không thể xem bị cáo N phạm tội có tính chất côn đồ, hơn nữa tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ đã được quy định là tình tiết định khung tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên không thể áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bị cáo và bị hại không có ý định gây thương tích từ trước chỉ khi mâu thuẫn trong việc cắt cỏ và bị mổ bằng lưỡi liềm trước hai bên đánh nhau mới sử dụng dao để chém gây thương tích và bị cáo đã dừng lại nên không thể xem là tình tiết cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Do đó đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Riêng việc người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, về xử lý vật chứng là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn N là con liệt sĩ nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với ông Phạm Văn T, anh Phạm Văn L và anh Nguyễn Văn T có hành vi đánh nhau, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác nên Công an huyện Bình Đại đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với những người này là đúng với quy định của Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

[1] Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/5/2020). Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn N tại phiên tòa.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền 68.700.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu và tiêu hủy:

- Một con dao dài 64,2 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 29,2 cm, mũi nhọn, mặt bên trái dao có dấu hằn III ở giữa mặt dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06 cm, cán tròn bằng gỗ dài 35cm, rộng 03 cm.

- Một con dao dài 45 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 27cm, mũi dao bị gãy, mặt bên trái dao có dấu hằn II ở giữa mặt dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 5,7 cm, cán tròn bằng gỗ dài 18 cm, rộng 03 cm, cán dao bị nứt.

- Một lưỡi liềm dài 41 cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 27 cm, mũi nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi liềm 2,2 cm, cán tròn bằng gỗ dài 14 cm, rộng 2,2 cm.

- Một cục pin hiệu Philips dài 6,2 cm, rộng 4,2 cm, trên thân cục pin có dính chất màu nâu đỏ nghi máu.

- Một vỏ điện thoại di động hiệu Philips dài 11,5 cm, rộng 05 cm, trên vỏ điện thoại có dính chất màu nâu đỏ nghi máu.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn N là con liệt sĩ nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công An huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Bị cáo, bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích;
Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã lý)

Nguyễn Hữu Lương

